

KIẾN THỨC, THỰC HÀNH VỀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG - PHÒNG CHỐNG CHÁY NỔ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ NAM ĐỊNH NĂM 2024

TÓM TẮT

Phạm Thị Bích Thủy^{1*}, Nguyễn Xuân Bái², Trần Thị Khuyên²

Mục tiêu: Mô tả kiến thức, thực hành về an toàn vệ sinh lao động - phòng chống cháy nổ của người lao động tại Công ty Cổ phần Xăng dầu dầu khí Nam Định năm 2024.

Phương pháp: Phương pháp nghiên cứu dịch tễ học mô tả với cuộc điều tra cắt ngang đã được tiến hành trên 203 người lao động từ tháng 02/2024 đến tháng 07/2024. Công cụ thu thập số liệu là phỏng vấn trực tiếp đối tượng nghiên cứu theo bộ câu hỏi bán cấu trúc.

Kết quả: Tỷ lệ kiến thức về các yếu tố có hại trong môi trường do hơi khí xăng dầu chiếm 99,5% và nhận định mùa hè ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động chiếm 67,9%. Người lao động đều tham gia các khóa tập huấn 1 năm/lần và nắm rõ thao tác sử dụng thiết bị về an toàn vệ sinh lao động - phòng chống cháy nổ. 100% sử dụng phương tiện bảo hộ lao động như áo/quần và mũ/kính.

Kết luận: Tỷ lệ kiến thức về các yếu tố có hại trong môi trường do hơi khí xăng dầu chiếm 99,5% và 67,9% nhận định mùa hè ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động. Người lao động đều tham gia các khóa tập huấn 1 năm/lần và nắm rõ thao tác sử dụng thiết bị về an toàn vệ sinh lao động - phòng chống cháy nổ và tuân thủ việc sử dụng bảo hộ lao động.

Từ khóa: kiến thức, thực hành, an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, công ty xăng dầu

KNOWLEDGE AND PRACTICES ON OCCUPATIONAL SAFETY, HYGIENE, AND FIRE AND EXPLOSION PREVENTION AMONG EMPLOYEES OF NAM DINH PETROLEUM JOINT STOCK COMPANY IN 2024

ABSTRACT

Objective: Describe the knowledge and practice of occupational safety and health - fire prevention

and fighting of workers at Nam Dinh Petroleum Joint Stock Company in 2024.

Method: Descriptive epidemiological research method with a cross-sectional survey was conducted on 203 workers from February 2024 to July 2024. The data collection tool was direct interviews with research subjects using a semi-structured questionnaire.

Results: The rate of knowledge about harmful factors in the environment caused by gasoline vapors is 99,5% and 67,9% believe that summer affects workers' health. All workers attend training courses once a year and clearly understand how to use equipment related to occupational safety and health - fire and explosion prevention. 100% use labor protection equipment such as shirts/pants and hats/glasses.

Conclusion: The rate of knowledge about harmful factors in the environment caused by gasoline vapors is 99,5% and 67,9% believe that summer affects workers' health. All workers attend training courses once a year and clearly understand how to use equipment related to occupational safety and health - fire and explosion prevention and comply with the use of labor protection equipment.

Keywords: knowledge, practice, occupational safety and hygiene, fire prevention, petroleum company

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

An toàn lao động là giải pháp phòng, chống tác động của các yếu tố nguy hiểm nhằm bảo đảm không xảy ra thương tật, tử vong đối với con người trong quá trình lao động [1]. Chữa cháy bao gồm các công việc huy động, triển khai lực lượng, phương tiện chữa cháy, cắt điện, tổ chức thoát nạn, cứu người, cứu tài sản, chống cháy lan, dập tắt đám cháy và các hoạt động khác có liên quan đến chữa cháy [2]. Trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hóa hiện nay nhu cầu mọi người sử dụng về xăng dầu ngày một tăng. Các cửa hàng bán lẻ và đội ngũ nhân viên tiếp xúc với xăng dầu ngày càng nhiều do đó không thể tránh khỏi các yếu tố nguy cơ. Các hoạt động sản xuất trong ngành xăng dầu thường có mức độ rủi ro rất cao về mặt an toàn,

1. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nam Định

2. Trường Đại học Y Dược Thái Bình

*Tác giả chính: Phạm Thị Bích Thủy

Email: phamthuy.dpa@gmail.com

Ngày nhận bài: 22/8/2024

Ngày phản biện: 9/12/2024

Ngày duyệt bài: 12/12/2024

cháy nổ cũng như gây ô nhiễm môi trường, bên cạnh đó việc tổ chức ứng cứu mỗi khi sự cố xảy ra là hết sức khó khăn và tốn kém. Cezar - Vaz và các cộng sự năm 2012 nghiên cứu kiến thức của các công nhân xăng dầu tại Brazil về các yếu tố nguy cơ nghề nghiệp cho thấy những người tham gia đã xác định được các loại rủi ro sau: hóa học (93,7%), vật lý (88,2%), sinh lý (64,3%) và sinh học (62,4%). Trong đó, 94,1% công nhân trạm xăng cho biết bị tai nạn lao động và 74,2% người lao động cho biết nhiên liệu tiếp xúc với mắt [3]. Sự cố nổ xảy ra ở dàn khoan dầu sâu nhất thế giới Deepwater Horizon của hãng BP - Anh ngày 20 tháng 4 năm 2010 khiến giàn khoan bị sập, 11 người thiệt mạng và làm 17 người khác bị thương. Vụ nổ đã làm rò rỉ một lượng lớn khoảng 750.000 lít dầu thô loang rộng ra 9.000 km² trên biển [4]. Sự cố tràn bồn năm 2008 của Công ty cổ phần sản xuất và chế biến dầu khí Phú Mỹ nguyên nhân là do nguyên liệu nhập vào bồn từ đường ống gas, số lượng nhập lớn hơn sức chứa của bồn dẫn đến mái phao bị ngập và cong vênh. Sự cố rò rỉ E03 năm 2011 của công ty cổ phần sản xuất và chế biến dầu khí Phú Mỹ nguyên nhân là do đường ống của hệ thống làm mát bằng không khí cho sản phẩm đỉnh trước khi chuyển về bồn bị rò rỉ, sản phẩm phun ra dạng sương mù phía trên đỉnh tháp chưng cất.

Để có những biện pháp nhằm khuyến nghị cho công tác đảm bảo an toàn vệ sinh lao động-phòng chống cháy nổ trong sản xuất nói chung và trong ngành sản xuất xăng dầu nói riêng, chúng tôi tiến hành nghiên cứu với mục tiêu: Mô tả kiến thức, thực hành về an toàn vệ sinh lao động - phòng chống cháy nổ của người lao động Công ty Cổ phần Xăng dầu dầu khí Nam Định năm 2024.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Đối tượng, địa điểm và thời gian nghiên cứu.

Đối tượng nghiên cứu: Người lao động đồng ý tham gia vào nghiên cứu

Địa điểm nghiên cứu: Công ty Cổ phần Xăng dầu dầu khí Nam Định

Thời gian nghiên cứu: Nghiên cứu được tiến hành từ tháng 02/2024 đến tháng 7/2024

2.2 Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu dịch tễ học mô tả với cuộc điều tra cắt ngang.

Cỡ mẫu:

$$n = Z_{(1-\alpha/2)}^2 \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó:

n: là cỡ mẫu

Z: độ tin cậy lấy ở ngưỡng xác suất bằng 5% Z = 1,96

p: tỷ lệ người lao động có kiến thức đúng về an toàn lao động trong nghiên cứu của Đặng Thị Vân Quý (p=9,8%) [5]

d: độ sai lệch mong muốn kết quả từ mẫu thu được so với kết quả quần thể; d ước tính bằng 0,041

Thay vào công thức, tính được cỡ mẫu n = 201 mẫu.

Do số lượng người lao động trực tiếp tại các cửa hàng xăng dầu và kho trung chuyển là 203 người gần tương đương với cỡ mẫu tính được, vì vậy chúng tôi chọn mẫu toàn bộ là 203 người.

Chọn mẫu

Cỡ mẫu cần điều tra gần tương đương với số lượng công nhân đang làm việc tại các cửa hàng bán lẻ xăng dầu và kho trung chuyển của Công ty Cổ phần Xăng dầu dầu khí Nam Định năm 2024 tham gia nghiên cứu là 203 người nên chúng tôi quyết định chọn toàn bộ người lao động của công ty vào nghiên cứu.

Phương pháp thu thập số liệu

Tất cả người lao động trực tiếp tại các cửa hàng xăng dầu và kho trung chuyển đủ điều kiện sẽ được mời tham gia nghiên cứu. Nhân lực tham gia là các cán bộ của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nam Định có kinh nghiệm thu thập số liệu, điều tra. Điều tra viên phỏng vấn trực tiếp các đối tượng nghiên cứu.

Công cụ thu thập số liệu

Sử dụng bộ câu hỏi phỏng vấn bán cấu trúc đã được thiết kế sẵn. Bộ câu hỏi được xây dựng dựa trên nội dung và mục tiêu nghiên cứu bao gồm các đặc điểm của người được phỏng vấn như: Trình độ học vấn, kiến thức, thái độ về an toàn vệ sinh lao động - phòng chống cháy nổ tại nơi làm việc, thời gian và tình trạng tiếp xúc với hơi xăng dầu trong khi làm việc...

Xử lý số liệu

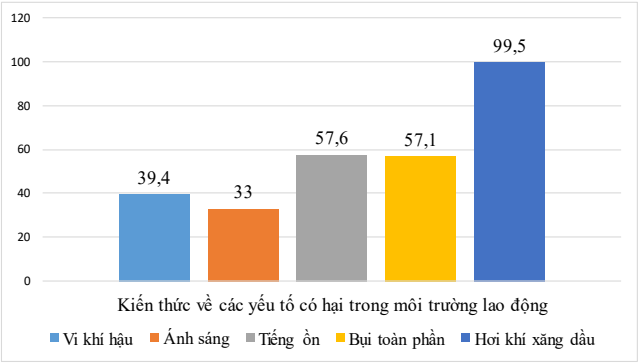
Số liệu được xử lý trên máy vi tính bằng phần mềm EPI- DATA 3.1 và SPSS 25. Trong đánh giá kết quả sử dụng các phương pháp thống kê y học và dịch tễ học (tính giá trị trung bình, tỷ lệ). Các số liệu được trình bày bằng các bảng số liệu và biểu đồ. Phân tích, tổng hợp để từ đó rút ra các nhận xét, đánh giá.

2.3 Đạo đức nghiên cứu

Đề cương của nghiên cứu này được thông qua Hội đồng xét duyệt Đề cương luận văn thạc sĩ của Trường Đại học Y dược Thái Bình theo Quyết định

số 105/QĐ-YDTB ngày 16/01/2024 và đã được lãnh đạo Công ty Cổ phần Xăng dầu khí Nam Định đồng ý cho triển khai hoạt động.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU



Biểu đồ 1: Kiến thức về các yếu tố có hại trong môi trường lao động (n=203)

Biểu đồ 1 cho thấy: Trong số đối tượng nghiên cứu, kiến thức về các yếu tố có hại trong môi trường lao động cao nhất 99,5% do hơi khí xăng dầu; 57,6% do tiếng ồn; 57,1% do bụi toàn phần; 39,4% do vi khí hậu và thấp nhất 33% do ánh sáng.

Bảng 1: Nhận định về mức độ hài lòng với môi trường lao động (n=203)

Nơi làm việc	Mức độ hài lòng							
	Rất hài lòng		Hài lòng		Bình thường		Không hài lòng	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Cửa hàng xăng dầu	15	93,8	60	88,2	91	89,2	13	76,5
Kho trung chuyển	1	6,3	8	11,8	11	10,8	4	23,5
Tổng cộng	16	7,9	68	33,5	102	50,2	17	8,4

Bảng 1 cho thấy: Trong số đối tượng nghiên cứu, về mức độ hài lòng với môi trường lao động trong đó mức độ bình thường là chủ yếu (50,2%), thấp nhất là mức độ rất hài lòng (7,9%). Bên cạnh đó vẫn có 8,4% mức độ không hài lòng.

Bảng 2: Nhận định về mùa ảnh hưởng đến sức khỏe (n=203)

Mùa trong năm	Xuân		Hè		Thu		Đông	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Cửa hàng xăng dầu	18	90,0	122	88,4	17	89,5	22	84,6
Kho trung chuyển	2	10,0	16	11,6	2	10,5	4	15,4
Tổng cộng	20	9,6	138	67,9	19	9,4	26	13,0

Bảng 2 cho thấy có 67,9% người lao động nhận định mùa hè có ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động nhất, thấp nhất 9,3% người lao động nhận định mùa thu có ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động.

Bảng 3: Đặc điểm tham gia các khóa tập huấn an toàn vệ sinh lao động-phòng chống cháy nổ (n=203)

Nơi làm việc	1-3 tháng/lần		6 tháng/lần		1 năm/lần	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Cửa hàng xăng dầu	8	100	27	96,4	144	86,2
Kho trung chuyển	0	0	1	3,6	23	13,8
Tổng cộng	8	3,9	28	13,8	167	82,3

Bảng 3 cho thấy: Trong số đối tượng nghiên cứu, tham gia các khóa tập huấn an toàn vệ sinh lao động-phòng chống cháy nổ đa số được tập huấn 1 năm/lần (82,3%). Tập huấn 1-3 tháng/lần chiếm tỷ lệ thấp nhất (3,9%). Tập huấn 6 tháng/lần (13,8%).

Bảng 4: Đặc điểm sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động (n=203)

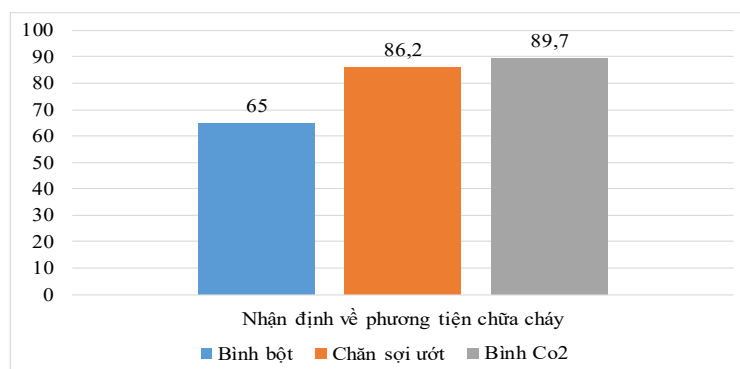
Nơi làm việc	Áo/quần		Mũ/kính		Găng tay/khẩu trang		Giày/ủng	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Cửa hàng xăng dầu	179	88,2	179	88,2	179	88,2	102	92,7
Kho trung chuyển	24	11,8	24	11,8	23	11,8	8	7,3
Tổng cộng	203	100	203	100	195	100	110	100

Bảng 4 cho thấy 100% đối tượng nghiên cứu sử dụng phương tiện bảo hộ lao động như áo/quần và mũ/kính.

Bảng 5: Kết quả điều tra kiến thức về nội quy, quy trình hướng dẫn an toàn (n=203)

Nơi làm việc	Nắm rõ và hiểu rõ		Nắm rõ và không hiểu đầy đủ	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Cửa hàng xăng dầu	98	91,6	81	84,4
Kho trung chuyển	9	8,4	15	15,6
Tổng cộng	107	52,7	96	47,3

Bảng 5 cho thấy có đa số đối tượng nắm rõ và hiểu rõ kiến thức về nội quy, quy trình hướng dẫn an toàn (52,7%); có 47,3% đối tượng nắm rõ và không hiểu đầy đủ kiến thức về nội quy, quy trình hướng dẫn an toàn.

**Biểu đồ 2: Nhận định về phương tiện chữa cháy (n=203)**

Biểu đồ 3.2 cho thấy nhận định về phương tiện chữa cháy của đối tượng nghiên cứu trong đó cao nhất là chữa cháy bằng bình CO₂ (89,7%); nhận định chữa cháy bằng chăn sợi ướt (86,2%); thấp nhất nhận định chữa cháy bằng bình bột (65%).

Bảng 6: Kết quả điều tra về thao tác sử dụng các thiết bị an toàn vệ sinh lao động-phòng chống cháy nổ (n=203)

Nơi làm việc	Nắm rõ, thao tác xử lý thuần thực		Nắm rõ, thao tác xử lý chưa thuần thực	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Cửa hàng xăng dầu	86	86,9	93	89,4
Kho trung chuyển	13	13,1	11	10,6
Tổng cộng	99	48,8	104	51,2

Bảng 6 cho thấy có 51,2% đối tượng nghiên cứu nắm rõ, thao tác xử lý chưa thuần thực các thiết bị an toàn vệ sinh lao động - phòng chống cháy nổ. Có 48,8% nắm rõ, thao tác xử lý thuần thực các thiết bị an toàn vệ sinh lao động - phòng chống cháy nổ.

IV. BÀN LUẬN

Về các yếu tố có hại trong môi trường lao động thì kiến thức của người lao động trong công ty là vô cùng quan trọng. Theo các số liệu nghiên cứu cho thấy kiến thức về yếu tố có hại do hơi khí xăng dầu là cao nhất (99,5%) và có đến 68% đối tượng nghiên cứu nhận định mùa hè là yếu tố có tác động tiêu cực đến sức khỏe người lao động nhất. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi tương đồng với nghiên cứu của tác giả Hoàng Thị Thúy Hà năm 2015 trên công nhân may Thái Nguyên cho thấy tỷ lệ công nhân có kiến thức về an toàn vệ sinh lao động (61 - 63%) [6]. Theo kết quả các số liệu tại bảng 3, 4 cho thấy công ty đã thực hiện đầy đủ việc tập huấn về an toàn vệ sinh lao động - phòng chống cháy nổ và hầu hết tham gia tập huấn 1 năm/lần (82,3%), 100% người lao động sử dụng bảo hộ áo/quần, mũ/kính trong quá trình làm việc. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cao hơn nghiên cứu của tác giả Phạm Minh Khuê và cộng sự năm 2017 tại công ty Halotexco Nghệ An cho thấy: Về an toàn lao động và công tác y tế có từ 26 - 44% người lao động không thường xuyên mang bảo hộ lao động; 36 - 49% người lao động đánh giá về điều kiện lao động ở mức trung bình [7]. Các khóa tập huấn và sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động đúng cách giúp người lao động hiểu và tuân thủ các quy định về an toàn vệ sinh lao động - phòng chống cháy nổ theo luật pháp, đảm bảo môi trường làm việc an toàn và hợp pháp góp phần vào việc giảm thiểu tai nạn và rủi ro trong môi trường làm việc. Người lao động được học cách nhận diện các nguy cơ cháy, thực hiện các biện pháp phòng ngừa, và bảo quản các thiết bị chống cháy đúng cách. Hướng

dẫn người lao động về cách sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân đúng cách, thực hiện các biện pháp an toàn và ứng phó trong trường hợp xảy ra sự cố.

Để xây dựng chương trình hành động phù hợp nhằm cải thiện điều kiện lao động, bảo vệ sức khỏe và tính mạng cho người lao động, theo Bạch Quốc Khang [8], cần có một bộ máy (Hội đồng Bảo hộ lao động) hoạt động thường xuyên và phù hợp với thực tiễn của sản xuất. Chúng tôi cho rằng vấn đề này nếu làm tốt thì đối tượng người lao động sẽ được hưởng lợi trong đảm bảo an toàn và tăng cường sức khỏe. Việc hiểu biết và tuân thủ các nội quy và quy trình hướng dẫn an toàn không chỉ giúp bảo vệ sức khỏe và an toàn của người lao động mà còn góp phần vào việc duy trì một môi trường làm việc an toàn và hiệu quả. Kết quả nghiên cứu tại bảng 5 cho thấy việc nắm rõ và hiểu rõ các nội quy và quy trình hướng dẫn an toàn của người lao động với tỷ lệ 52,7%. Mặc dù không có hiện tượng không biết nội quy nhưng có đến 47,3% người lao động biết nhưng chưa hiểu rõ nội quy, quy trình hệ thống và các quy trình hướng dẫn an toàn, các yếu tố rủi ro. Qua biểu đồ 2 cho thấy 89,7% người lao động nhận định bình CO₂ và 86,2% chăn sợi ướt có thể áp dụng chữa cháy tại các cửa hàng xăng dầu. Việc trang bị đầy đủ và duy trì các thiết bị phòng chống cháy nổ tại nơi làm việc là rất quan trọng để đảm bảo an toàn cho người lao động và tài sản trong môi trường làm việc. Kết quả điều tra cho thấy chỉ có 48,8% nắm rõ, thực hành sử dụng các thiết bị an toàn vệ sinh lao động - phòng chống cháy nổ đúng quy cách. Theo nghiên cứu của tác giả Nguyễn Chính năm 2013, cần thiết phải

tập huấn thường xuyên và đổi mới, cập nhật công tác bảo hộ lao động nhằm tăng cường ý thức, thái độ tốt về an toàn vệ sinh lao động và bệnh nghề nghiệp [9]. Chúng ta đều biết kiến thức luôn có vai trò quan trọng quyết định hành vi có lợi đối với sức khỏe công nhân. Như vậy không những phải tập trung làm tốt công tác truyền thông, tập huấn về đảm bảo an toàn vệ sinh lao động - phòng chống cháy nổ tại các doanh nghiệp mà còn phải tăng cường can thiệp cải thiện thái độ có lợi bằng mọi giải pháp. Cần có chế độ khen thưởng kịp thời cho những đóng góp, sáng kiến của người lao động vào công việc liên quan đến công tác an toàn vệ sinh lao động - phòng chống cháy nổ.

Như vậy có thể nói các công ty đã có sự quan tâm chỉ đạo nhưng chưa đạt hiệu quả cao có thể là chưa sát thực tiễn hoặc do cách làm chưa phù hợp nên người lao động chưa thấy thiết thực về việc đảm bảo an toàn vệ sinh lao động - phòng chống cháy nổ. Ngoài ra một số lỗi thường gặp do trình độ học vấn của người lao động chưa cao và cơ chế chính sách, kinh nghiệm tổ chức của công ty còn hạn chế. Nếu làm tốt được điều này, công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe người lao động, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động - phòng chống cháy nổ, phòng chống bệnh nghề nghiệp và tai nạn lao động tại Công ty Cổ phần xăng dầu dầu khí Nam Định sẽ đạt được mục tiêu đề ra.

V. KẾT LUẬN

- Tỷ lệ kiến thức về các yếu tố có hại trong môi trường do hơi khí xăng dầu chiếm 99,5%.

- Tỷ lệ người lao động nhận định mùa hè có ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động chiếm 67,9%.

- Người lao động đều tham gia các khóa tập huấn 1 năm/lần và nắm rõ thao tác sử dụng thiết bị về an toàn vệ sinh lao động - phòng chống cháy nổ và tuân thủ việc sử dụng bảo hộ lao động.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Quốc hội (2015)**, Luật An toàn vệ sinh lao động, Hà Nội
2. **Quốc hội (2001)**, Luật phòng cháy và chữa cháy, Hà Nội
3. **Cezar-Vaz, M.R., Rocha, L.P., Bonow, C.A., et al. (2012)**, "Risk perception and occupational accidents: a study of gas station workers in southern Brazil", *Int J Environ Res Public Health*, 9(7), pp. 2362-77.
4. **Lê Kim Dung (2013)**, "Hợp tác quốc tế trong việc xây dựng pháp luật và chính sách về an toàn – vệ sinh lao động", *Tạp chí Lao động và Xã hội*, (453), tr. 38- 42
5. **Đặng Thị Vân Quý, Nguyễn Đăng Vững và Ngô Thị Nhu. (2024)**, "Kiến thức về an toàn vệ sinh lao động liên quan đến sức khỏe của nữ công nhân may thành phố Thái Bình", *Tạp chí Y học Việt Nam*. Tập 541, số 2, tr. 301.
6. **Hoàng Thị Thúy Hà (2015)**. Thực trạng môi trường, sức khỏe, bệnh tật ở công nhân may Thái Nguyên và hiệu quả một số biện pháp can thiệp, *Luận án Tiến sĩ Y học*, Đại học Thái Nguyên.
7. **Phạm Minh Khuê, Hoàng Thị Giang, Phạm Thanh Hồng và các cộng sự (2017)**. Thực trạng điều kiện lao động của công nhân công ty cổ phần Halotexco tỉnh Nghệ An 2017. *Tạp chí Y học Việt Nam*, 28(9), 141.
8. **Bạch Quốc Khang (2009)**, "Xây dựng chương trình hành động phù hợp để cải thiện điều kiện lao động, bảo vệ sức khỏe và tính mạng cho người lao động", *Tạp chí Bảo hộ Lao động*, tháng 7/2009, tr.19-23
9. **Nguyễn Chính (2013)**, "Cụm thi đua chuyên đề ATVSLĐ, cần thiết để so sánh đổi mới công tác BHLĐ", *Tạp chí Bảo hộ lao động*, (223), tr.50-51.